

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 81 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách

hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 187/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

“3. Chỉ tiêu

a) Giai đoạn 2021 - 2025, tuyển sinh, đào tạo cho khoảng 77.980 người, gồm: Đào tạo trình độ cao đẳng 4.550 người, trung cấp 4.350 người; trình độ sơ cấp 30.553 người (trong đó, hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025 là 4.098 người); đào tạo thường xuyên và dưới 03 tháng 38.527 người.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

“4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người lao động giai đoạn 2021 - 2025 là: 280.450.400.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí thuộc ngân sách tỉnh: 102.285.840.000 đồng;
- Nguồn kinh phí huy động khác (xã hội hóa): 178.164.560.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm).

Ngoài nguồn kinh phí nêu trên, kinh phí thực hiện phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 được lồng ghép từ nguồn kinh phí của các Chương trình, dự án, đề án khác theo quy định.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB&XH, Bộ KH&ĐT;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Cẩm Đào

Phụ lục I
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Năm thực hiện	Kế hoạch	Tổng số có bằng cấp, chứng chỉ	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Đào tạo thường xuyên (dưới 3 tháng)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ (%)	Tỷ lệ lao động qua giáo dục nghề nghiệp (%)
	Tổng cộng	77.980	77.980	4.550	4.350	30.553	38.527	65,00	30,00	60,00
1	Năm 2021	13.000	13.000	910	790	5.573	5.727	61,00	28,00	56,00
2	Năm 2022	16.000	16.000	910	890	6.000	8.200	62,00	28,50	57,00
3	Năm 2023	16.000	16.000	910	890	6.000	8.200	63,00	29,00	58,00
4	Năm 2024	16.490	16.490	910	890	6.490	8.200	64,00	29,50	59,00
5	Năm 2025	16.490	16.490	910	890	6.490	8.200	65,00	30,00	60,00

* Ghi chú: Trong tổng số 30.553 người được đào tạo nghề trình độ sơ cấp có 4.098 người là thanh niên theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ./.

Phụ lục II
KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (nghìn đồng), trong đó:					
		Tổng kinh phí	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
	Tổng cộng (1+2)	280.450.400	43.488.800	52.627.800	52.627.800	65.853.000	65.853.000
1	Kinh phí ngân sách tỉnh	102.285.840	7.856.240	16.994.800	16.994.800	30.220.000	30.220.000
a	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và trình độ dưới 3 tháng, trong đó:	100.785.840	7.556.240	16.694.800	16.694.800	29.920.000	29.920.000
-	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho lao động	20.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
-	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng cho thanh niên theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ	80.785.840	3.556.240	12.694.800	12.694.800	25.920.000	25.920.000
b	Kinh phí thực hiện truyền thông về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	1.500.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000
2	Nguồn kinh phí khác (xã hội hóa)	178.164.560	35.632.560	35.633.000	35.633.000	35.633.000	35.633.000